|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN ĐÔNG ANH | ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II |
| TRƯỜNG THCS BÙI QUANG MẠI | Năm học: 2023 – 2024 |
|  | Môn: Ngữ văn 8 |
|  | Thời gian làm bài: 90 phút |

**Phần I. Đọc – hiểu (6.0 điểm):**

Đọc bài bài thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Ngắm trăng** |
| **Dịch thơ** | Trong tù không rượu cũng không hoa  Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ.  Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ.  Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.  (Hồ Chí Minh) |

1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? Vì sao em cho là như vậy? Kể tên một bài thơ khác có cùng thể thơ với bài thơ trên mà em đã được học ở lớp 8, cho biết tên tác giả của bài thơ đó?
2. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên? Bài thơ trên được làm theo luật nào? Căn cứ vào từ ngữ nào trong bài mà em cho là như vậy? Chỉ ra những từ ngữ niêm với nhau trong bài thơ trên?
3. Chỉ ra một câu phủ định có trong bài thơ trên? Câu thơ cuối “Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ” thuộc phần nào trong bố cục của bài thơ? Và ở câu thơ này đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ đó?
4. Bài thơ bộc lộ tình cảm cảm xúc của ai? Với đối tượng nào? Qua đó giúp em hiểu thêm được vẻ đẹp nào trong tâm hồn Bác?
5. Viết một đoạn văn độ dài khoảng 7 đến 10 câu để trình bày cảm nhận của em về hai câu cuối của bài thơ trên. Trong đoạn có sử dụng một thành phần biệt lập. (Chỉ rõ thành phần biệt lập có trong đoạn bằng cách gạch chân có ghi chú rõ ràng).

**Phần II. Viết (4.0 điểm):**

Trình bày suy nghĩ về giá trị của thời gian.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Phần I (6,0 điểm)** | | |
| **Câu 1**  **(1,0 điểm)** | - Thể loại: thất ngôn tứ tuyệt  - HS kể đúng tên văn bản đã học ở lớp 8  - Kể đúng tên tác giả | 0,5  0,25  0,25 |
| **Câu 2**  **(1,0 điểm)** | * Phương thức biểu đạt chính của bài thơ: biểu cảm * Bài thơ được làm theo luật bằng, căn cứ vào từ: “tù” trong dòng thơ thứ nhất. * Các từ ngữ niêm với nhau trong bài thơ là: tù với nhòm, đẹp với ngắm. | 0,25  0,25  0,5 |
| **Câu 3**  **(1,5 điểm)** | - Câu phủ định có trong bài thơ là: “Trong tù không rượu cũng không hoa”  - Câu thơ cuối “ Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ” thuộc phần hợp trong bố cục của bài thơ.  - Câu thơ sử dụng biện pháp tu từ: nhân hóa  - Tác dụng:  + Làm cho hình ảnh vầng trăng trở nên gần gũi với người, coi Bác thành tri âm, tri kỉ.  + Thể hiện tình yêu thiên nhiên đến say mê, phong thái ung dung lạc quan của Bác ngay trong cảnh ngục tù tối tăm. | 0,5  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 4**  **(1.0 điểm)** | -Bài thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình (nhà thơ) - (Hồ Chí Minh – Bác).  - Với đối tượng: thiên nhiên (trăng)  - Giúp ta hiểu được thêm vẻ trong tâm hồn Bác: yêu thiên nhiên, lạc quan,…. | 0,25  0,25  0,5 |
| **Câu 5**  **(1,5 điểm)** | HS viết đoạn văn:  \*Hình thức: Viết đúng hình thức đoạn văn (lùi đầu dòng viết hoa chữ cái đầu tiên đến chỗ chấm xuống dòng) và đủ dung lượng .  - Có kiến thức tiếng Việt chính xác: thành phần biệt lập và gạch chân, ghi chú rõ ràng. (Nếu có thành phần biệt lập mà không gạch chân, không ghi chú thì không cho điểm)  \*Nội dung:  Mở đoạn: Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề  Hai câu cuối của bài thơ là sự giao hòa của Bác với trăng, qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên đến say mê, phong thái ung dung lạc quan, khát vọng tự do của Bác ngay trong cảnh ngục tù đọa đày, tối tăm. - Thân đoạn: +Nội dung:  (+) Dù ttrong hoàn cảnh ngục tù tối tăm, thiếu thốn, đày đọa về thân xác, qua song sắt nhà tù, Bác vẫn say mê ngắm trăng qua, thả hồn theo ánh trăng sáng và gửi gắm vào đó khát vọng tự do cháy bỏng. (+)Bằng việc sử dụng phép nhân hóa cho thấy Bằng việc sử dụng phép nhân hóa cho thấy đáp lại tình cảm của Bác, vầng trăng đã vượt qua song sắt để ngắm Bác. Vậy là cả người và trăng đều chủ động tìm đến nhau. Vầng trăng lung linh bỗng chốc biến thành bạn tri âm, tri kỉ của Bác. | 0,25 |
| 0,25  0,25  0,25  0,25  0,5  0,25 |
| Phần II. Viết (4.0 điểm)  Bài làm của HS cơ bản đảm bảo được viết đúng kiểu bài nghị luận về tư tưởng đạo lí. Có thể diễn đạt theo nhiêu cách khác nhau song cơ bản đảm bảo theo bố cục như sau: | | |
| **1.Mở bài** | - Dẫn dắt giới thiệu vấn đề nghị luận: giá trị của thời gian. | 0,5 điểm |
| **2.Thân bài** | **a) Giải thích:**   * Thời gian là khái niệm hết sức trừu tượng. * Biểu thị sự biến đổi không ngừng của các hành động, sự việc cũng như khoảng kéo dài của chúng. * Thời gian là vô hạn không ai nắm giữ được.   **b) Vai trò của thời gian:**   * Thời gian cho chúng ta thấy được sự biến đổi của vạn vật. * Thời gian để con người tạo ra nhiều ý nghĩa: những thành tựu khoa học, phát minh vĩ đại, kì quan thế giới,... * Thời gian thay đổi con người, giúp ta trưởng thành hơn từng ngày. * Trải qua thời gian dài, con người cũng quên đi những nỗi đau về tinh thần. * Thời gian mang cho chúng ta người thân, kỉ niệm, tuổi trẻ, niềm vui nỗi buồn,... nhưng cũng lấy những điều đó đi mất.   **c) Cách sử dụng thời gian của con người hiện nay:**  - Người biết tận dụng thời gian:   * Trau dồi bản thân cả về vật chất, tinh thần. * Tạo ra nhiều của cải vật chất. * Biết tận hưởng cuộc sống.   - Người lãng phí thời gian:   * Dành thời gian quý báu của mình vào mạng xã hội, những thú vui vô bổ, không có thời gian tiếp thu tri thức. * Không biết phân chia thời gian cho công việc, học tập và vui chơi, gây mất cân cân bằng trong cuộc sống.   **d) Bài học nhận thức và hành động:**   * Thời gian có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống của con người. * Cần biết tận dụng thời gian làm nhiều việc có ích hơn.   Phân chia thời gian hợp lí để làm việc, học tập và vui chơi, nghỉ ngơi giúp cân bằng cuộc sống | 0,5  1.0  0,5  1.0 |
| **3.Kết bài** | * Khái quát lại về giá trị của thời gian. * Liên hệ | 0,5 điểm |
| **Lưu ý**: căn cứ và dàn ý trên và dựa vào thực tế bài làm của học sinh, cách diễn đạt, cách sử dụng từ ngữ, lỗi viết, chính tả,…. Để GV cho điểm sao cho linh hoạt và hợp lí. | |  |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**

MÔN NGỮ VĂN 8

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức/**  **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tỷ lệ điểm %** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ Đường luật : thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt | **0** | **2** | **0** | **2** | **0** | **1** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | **20** | **5** | **20** | **15** | **0** | **30** | **0** | **10** | **100** |
| **Tỷ lệ %** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỷ lệ chung** | | | **60** | | | | **40** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1.Thơ Đường luật | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm của thể thơ: phương thức biểu đạt chính, số câu, số tiếng, bố cục, luật bằng trắc,…. và các biện pháp tu từ trong bài thơ  - Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong bài thơ.  - Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mĩ của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp và các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc từ bài thơ  - Đánh giá được nét độc đáo của người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.  − Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.  - Viết đoạn văn ngắn cảm nhận về hình ảnh thơ | 4TL | 1TL | 1TL |  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí. | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.  - Xác định được bố cục bài viết.  **Thông hiểu:**  - Trình bày rõ ràng các khía cạnh (luận điểm) của vấn đề cần nghị luận  **Vận dụng:**  **-** Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân về những trải nghiệm để viết được bài văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của để.  - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân.  **Vận dụng cao**:  - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật ý của bản thân với vấn đề cần bàn luận.  - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng số câu** | | |  | **4TL** | **1TL** | **1TL** | **1TL** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **35%** | **25%** | **20%** | **20%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |